

Số: 1029/2019/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2019

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 10/2019 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	PLX	DAG	AAA
2	ABT		FIR	ABT
3	ACC		LSS	ACC
4	ADS		SBV	ADS
5	AMD		TSC	AMD
6	ANV		VSH	ANV
7	APC		PLX	APC
8	APG			APG
9	ASM			ASM
10	ASP			ASP
11	AST			AST
12	BBC			BBC
13	BCE			BCE
14	BFC			BFC
15	BIC			BIC
16	BID			BID
17	BMC			BMC
18	BMI			BMI
19	BMP			BMP
20	BRC			BRC
21	BSI			BSI
22	BTP			BTP
23	BTT			BTT
24	BVH			BVH
25	BWE			BWE
26	C32			C32
27	C47			C47
28	CAV			CAV
29	CDC			CDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
30	CHP			CHP
31	CII			CII
32	CLC			CLC
33	CLL			CLL
34	CMG			CMG
35	CNG			CNG
36	COM			COM
37	CRC			CRC
38	CSM			CSM
39	CSV			CSV
40	CTD			CTD
41	CTG			CTG
42	CTI			CTI
43	CTS			CTS
44	CVT			CVT
45	D2D			DAG
46	DAH			D2D
47	DBC			DAH
48	DBD			DBC
49	DCM			DBD
50	DGW			DCM
51	DHA			DGW
52	DHC			DHA
53	DHG			DHC
54	DHM			DHG
55	DIG			DHM
56	DLG			DIG
57	DMC			DLG
58	DPG			DMC
59	DPM			DPG
60	DPR			DPM
61	DRC			DPR
62	DRH			DRC
63	DRL			DRH
64	DSN			DRL
65	DTA			DSN
66	DVP			DTA
67	DXG			DVP
68	EIB			DXG
69	ELC			EIB
70	EVE			ELC
71	EVG			EVE
72	FCM			EVG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
73	FCN			FCM
74	FIT			FCN
75	FLC			FIR
76	FMC			FIT
77	FPT			FLC
78	FRT			FMC
79	FTS			FPT
80	GAS			FRT
81	GDT			FTS
82	GEX			GAS
83	GMC			GDT
84	GMD			GEX
85	GSP			GMC
86	GTN			GMD
87	HAH			GSP
88	HAP			GTN
89	HAR			HAH
90	HAX			HAP
91	HBC			HAR
92	HCD			HAX
93	HCM			HBC
94	HDB			HCD
95	HDC			HCM
96	HDG			HDB
97	HHS			HDC
98	HII			HDG
99	HPG			HHS
100	HPX			HII
101	HQC			HPG
102	HSG			HPX
103	HSL			HQC
104	HTI			HSG
105	HTI			HSL
106	HTL			HTI
107	HTV			HTI
108	HU3			HTL
109	HVH			HTV
110	IBC			HU3
111	IDI			HVH
112	IJC			IBC
113	IMP			IDI
114	ITA			IJC
115	ITC			IMP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
116	ITD			ITA
117	KBC			ITC
118	KDC			ITD
119	KDH			KBC
120	KMR			KDC
121	KSB			KDH
122	L10			KMR
123	LBM			KSB
124	LCG			L10
125	LDG			LBM
126	LGC			LCG
127	LGL			LDG
128	LHG			LGC
129	LIX			LGL
130	LM8			LHG
131	LMH			LIX
132	MBB			LM8
133	MDG			LMH
134	MHC			LSS
135	MSH			MBB
136	MSN			MDG
137	MWG			MHC
138	NAF			MSH
139	NBB			MSN
140	NCT			MWG
141	NKG			NAF
142	NLG			NBB
143	NNC			NCT
144	NSC			NKG
145	NT2			NLG
146	NTL			NNC
147	NVL			NSC
148	OPC			NT2
149	PAC			NTL
150	PAN			NVL
151	PC1			OPC
152	PDN			PAC
153	PDR			PAN
154	PET			PC1
155	PGC			PDN
156	PGD			PDR
157	PGI			PET
158	PHC			PGC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
159	PHR			PGD
160	PJT			PGI
161	PLP			PHC
162	PLX			PHR
163	PME			PJT
164	PNJ			PLP
165	POW			PLX
166	PPC			PME
167	PTB			PNJ
168	PVD			POW
169	PVT			PPC
170	RAL			PTB
171	RDP			PVD
172	REE			PVT
173	ROS			RAL
174	S4A			RDP
175	SAB			REE
176	SAM			ROS
177	SBA			S4A
178	SBT			SAB
179	SC5			SAM
180	SCD			SBA
181	SCR			SBT
182	SCS			SBV
183	SFC			SC5
184	SFG			SCD
185	SFI			SCR
186	SHA			SCS
187	SHI			SFC
188	SHP			SFG
189	SII			SFI
190	SJD			SHA
191	SJF			SHI
192	SJS			SHP
193	SKG			SII
194	SMB			SJD
195	SMC			SJF
196	SPM			SJS
197	SRC			SKG
198	SRF			SMB
199	SSC			SMC
200	SSI			SPM
201	ST8			SRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
202	STB			SRF
203	STG			SSC
204	STK			SSI
205	SVC			ST8
206	SVI			STB
207	SZL			STG
208	TAC			STK
209	TBC			SVC
210	TCB			SVI
211	TCD			SZL
212	TCH			TAC
213	TCL			TBC
214	TCM			TCB
215	TCO			TCD
216	TCT			TCH
217	TDC			TCL
218	TDG			TCM
219	TDH			TCO
220	TDM			TCT
221	TDW			TDC
222	TEG			TDG
223	THG			TDH
224	THI			TDM
225	TIP			TDW
226	TLD			TEG
227	TLH			THG
228	TMP			THI
229	TMS			TIP
230	TNA			TLD
231	TNC			TLH
232	TNI			TMP
233	TPB			TMS
234	TPC			TNA
235	TRC			TNC
236	TTB			TNI
237	TV2			TPB
238	TVS			TPC
239	TVT			TRC
240	TYA			TSC
241	UIC			TTB
242	VAF			TV2
243	VCB			TVS
244	VCI			TVT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
245	VDP			TYA
246	VDS			UIC
247	VFG			VAF
248	VGC			VCB
249	VHC			VCJ
250	VHM			VDP
251	VIC			VDS
252	VJC			VFG
253	VMD			VGC
254	VND			VHC
255	VNE			VHM
256	VNM			VIC
257	VNS			VJC
258	VPB			VMD
259	VPH			VND
260	VPI			VNE
261	VPS			VNM
262	VRC			VNS
263	VRE			VPB
264	VSC			VPH
265	VSI			VPI
266	VTO			VPS
267	YBM			VRC
268				VRE
269				VSC
270				VSH
271				VSI
272				VTO
273				YBM

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 10/2019 là <https://www.shs.com.vn/News/20191111/1010236/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-10-2019.aspx>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Người lập

Kiểm soát

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Ngô Thế Hiển

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Ngô Thế Hiển



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Sỹ Tiên